TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1345/2026/DS-ST
Ngày: 01 - 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn
2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 424/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2041/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2508/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M
Địa chỉ trụ sở: Phường S, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức danh: Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV T
(Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2025)
Ủy quyền lại cho: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000
Địa chỉ liên hệ: Phường T, Thành phố H
(Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2025)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Quang T, sinh năm 1971
Địa chỉ: Phường C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M do bà Lâm Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/11/2021 Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) và ông Huỳnh Quang T có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 2655114 để cho ông T vay số tiền 31.980.000 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 45%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 67,5%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 15/11/2023, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Đồng thời, để bảo hiểm sức khỏe người vay vốn trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông T có ký Hợp đồng bảo hiểm số 8768240 với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ M ngày 01/12/2021, phí bảo hiểm là 1.980.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Theo đó, ông T là người được bảo hiểm trong trường hợp tử vong hoặc bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thì Công ty M là người được ưu tiên thụ hưởng khoản tiền bảo hiểm. Đây không phải là giao dịch bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của ông T theo Hợp đồng tín dụng nên Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ M không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty M đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho ông T gồm: Chuyển khoản qua tài khoản cá nhân của ông T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và nộp thay ông T phí bảo hiểm cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ M là 1.980.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Theo nội dung thỏa thuận của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì ông T có trách nhiệm trả cho Công ty M tiền gốc và lãi trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/11/2023, cụ thể từng kỳ thanh toán như sau:

- Từ kỳ thanh toán thứ 01 đến kỳ thanh toán thứ 23 trả gốc và lãi số tiền là 2.042.618 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm mười tám đồng).

- Kỳ thanh toán thứ 24 trả gốc và lãi số tiền là 570.795 đồng (Năm trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Tuy nhiên, kể từ khi giải ngân đến nay, ông T chỉ mới thanh toán cho Công ty được 10 lần với tổng số tiền là 20.534.180 đồng (Hai mươi triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn một trăm tám mươi đồng), cụ thể như sau:

+ Ngày 09/12/2021 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 11/01/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.042.618 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 12/02/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 09/3/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 13/4/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 11/5/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 09/6/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 09/7/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 08/8/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

+ Ngày 06/9/2022 ông T trả cho Công ty số tiền 2.054.618 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám đồng).

Mặc dù đã được Công ty M nhiều lần liên hệ nhắc nhở và gửi thư đề nghị thanh toán nợ, nhưng từ ngày 06/9/2024 đến nay ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký với Công ty M.

Do đó, Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Quang T thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty M với tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 47.061.725 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 21.068.370 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng); lãi trong hạn là 6.056.459 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng); lãi quá hạn là 19.006.951 đồng (Mười chín triệu không trăm lẻ sáu nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng); lãi chậm trả là 929.945 đồng (Chín trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Buộc ông Huỳnh Quang T tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đồng thời, do bận công việc nên bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền của Công ty M yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Huỳnh Quang T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông T cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Công ty M vắng mặt, nhưng có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Quang T thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty M với tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2026 là 74.034.307 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 21.068.370

đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng); lãi trong hạn là 6.056.459 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng); lãi quá hạn là 44.877.755 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 2.031.723 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng). Đồng thời, buộc ông Huỳnh Quang T tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 02/7/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Huỳnh Quang T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Quang T trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2021 được ký kết giữa các bên. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2021 thể hiện bị đơn ông Huỳnh Quang T cư trú tại phường C, Thành phố H nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty M do bà Lâm Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 2655114 ngày 30/11/2021 được ký kết giữa bên đề nghị vay vốn ông Huỳnh Quang T với bên cho vay Công ty M có cơ sở xác định ông Huỳnh Quang T có vay tiền của Công ty M.

Nội dung Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2.]. Căn cứ phiếu báo nợ ngày 01/12/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam có nội dung thanh toán: *"M chuyển tiền GN Huỳnh Quang T HD 2655114"* và Giấy chứng nhận Bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm số 8768240 ngày 01/12/2021 của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M định Công ty M đã giải ngân cho ông T đủ số tiền vay theo thỏa thuận tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2655114 ngày 30/11/2021.

[3.3]. Theo nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì ông Huỳnh Quang T có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho Công ty M trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/11/2023. Tuy nhiên, ông T chỉ mới thanh toán cho Công ty M tổng số tiền (từ ngày 15/12/2021 đến ngày 06/9/2022) là 20.534.180 đồng (Hai mươi triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn một trăm tám mươi đồng) thì ngưng, không thanh toán nữa. Tính đến ngày 01/7/2026 ông T còn nợ Công ty M số tiền là 74.034.307 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 21.068.370 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng); lãi trong hạn là 6.056.459 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng); lãi quá hạn là 44.877.755 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 2.031.723 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng). Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M yêu cầu ông T thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/7/2026 cho đến khi ông T thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2655114 ngày 30/11/2021 và đúng theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 23 và 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả

một lần toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do ông T không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như ông T chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.4]. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2655114 ngày 30/11/2021 là 74.034.307 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 21.068.370 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng); lãi trong hạn là 6.056.459 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng); lãi quá hạn là 44.877.755 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 2.031.723 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng) và bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/7/2026 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M đối với ông Huỳnh Quang T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Huỳnh Quang T có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2655114 ngày 30/11/2021 là 74.034.307 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 21.068.370 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng); lãi trong hạn là 6.056.459 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng); lãi quá hạn là 44.877.755 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 2.031.723 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày 02/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.701.715 đồng (Ba triệu bảy trăm lẻ một nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.176.543 đồng (Một triệu một trăm báy mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068904 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương